



Khởi đầu sự nghiệp của bạn tại đây



Gắn kết
đồng nghiệp

Phát triển
kỹ năng

Khảo sát Trải nghiệm
Sinh viên QILT năm 2024

UNIQUELY
YOU

Một trải nghiệm học tập đặc biệt

Chào mừng bạn đến với trường đại học đẳng cấp thế giới tại thành phố du học số một nước Úc*.

Tại Đại học Victoria (VU), chúng tôi mang đến sự khác biệt để bạn có thể đạt được thành tích tốt nhất. Nhờ quy mô lớp học nhỏ và phương pháp học tập trung hơn qua mô hình sáng tạo VU Block Model® (mô hình học cuốn chiếu) của chúng tôi, bạn sẽ tích lũy đủ kỹ năng, kiến thức cùng sự tự tin để thành công trong sự nghiệp tương lai.

Dù theo học bất kỳ ngành nào, bạn cũng sẽ được trải nghiệm cơ sở vật chất hiện đại, các mối quan hệ sâu rộng trong ngành và một cộng đồng đa văn hóa thân thiện.

Khám phá quê hương thứ hai của bạn tại trường đại học luôn đặt bạn lên hàng đầu.

vu.edu.au/international

#1

tại Victoria
Phát triển kỹ năng Gắn kết đồng nghiệp
Khảo sát Trải nghiệm Sinh viên QILT năm 2024

Top 3%

trên thế giới
Được xếp hạng trong top 3% các trường đại học trên toàn thế giới
Bảng Xếp hạng các Trường Đại học Thế giới của Times năm 2026

#4

tại Úc
Mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp
Khảo sát mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng năm 2026 của QILT

*Các thành phố du học tốt nhất năm 2027 của QS

Học từng môn một

VU Block Model độc đáo của chúng tôi sẽ giúp bạn tập trung tối đa, mở rộng kết nối, đồng thời tích lũy sự tự tin và kỹ năng cần thiết để chinh phục mọi mục tiêu.

Cách học từng môn một trong các lớp học tương tác giúp bạn đào sâu kiến thức và dễ dàng kết nối với giảng viên, bạn học cũng như các chuyên gia trong ngành.

vu.edu.au/block-model

1 môn học mỗi 4 tuần

Các lớp học kéo dài 3 tiếng, 3 ngày một tuần.

Các lớp học tương tác, không phải lớp giảng một chiều

Học kỳ 1				Học kỳ 2			
Khối 1 THÁNG 2 – THÁNG 3	Khối 2 THÁNG 3 – THÁNG 4	Khối 3 THÁNG 4 – THÁNG 5	Khối 4 THÁNG 5 – THÁNG 6	Khối 1 THÁNG 7 – THÁNG 8	Khối 2 THÁNG 8 – THÁNG 9	Khối 3 THÁNG 9 – THÁNG 10	Khối 4 THÁNG 10 – THÁNG 11

▼ Có nhiều điểm khởi đầu khác nhau để bạn lựa chọn.

Xin lưu ý: Trong khi hầu hết các khóa học tại VU được giảng dạy theo từng khối 4 tuần một môn, sinh viên các ngành sau đại học như Kinh doanh, Công nghệ thông tin & An ninh mạng, Kỹ thuật & Môi trường xây dựng sẽ học song song hai môn trong 8 tuần.

Học tập tại thành phố của những cơ hội

Hãy bắt đầu cuộc sống mới tại Melbourne – một trong những thành phố đáng sống nhất thế giới.

Các cơ sở của VU tại trung tâm và phía tây thành phố có cơ sở vật chất hiện đại, các mối quan hệ trong ngành, và tất cả sự hỗ trợ cần thiết cho bạn.

Khám phá các cơ sở của chúng tôi



Hỗ trợ từ những ngày đầu tiên

Tạo mọi điều kiện để bạn thành công

Các cơ sở của VU là môi trường học tập thân thiện và hòa đồng, nơi mọi sinh viên đều có cơ hội phát triển bản thân. Các dịch vụ hỗ trợ miễn phí của chúng tôi được thiết kế để giúp bạn thành công trong học tập và tận dụng tối đa thời gian của mình tại Melbourne.

Từ giây phút đón bạn tại sân bay khi vừa đặt chân đến Úc, cho đến khi hỗ trợ tư vấn việc làm miễn phí suốt hai năm sau tốt nghiệp, đội ngũ nhân viên hỗ trợ sinh viên của VU sẽ luôn đồng hành từ ngày đầu tiên để giúp bạn chinh phục mọi mục tiêu của mình.

vu.edu.au/student-support

Học bổng quốc tế

VU luôn sẵn sàng hỗ trợ sinh viên quốc tế với hàng loạt học bổng giá trị. Đây là cách chúng tôi ghi nhận những nỗ lực của bạn và giúp bạn thành công trên con đường học tập.

- ♦ **Học bổng quốc tế VU Block Model®** – tiết kiệm đến 30% học phí.
- ♦ **Học bổng Hỗ trợ Chỗ ở STEM** – Miễn phí 1 năm ký túc xá tại UniLodge VU tiết kiệm lên đến \$15,500 đô Úc.
- ♦ **Học bổng Nghiên cứu Toàn cầu của VU** – được giảm 20% học phí.

vu.edu.au/international-scholarships

Tự tin định hình sự nghiệp

Xây dựng sự nghiệp ngay từ ngày đầu tiên với trải nghiệm học hỏi thực tế, kết nối với các đối tác trong ngành và hỗ trợ nghề nghiệp cá nhân hóa.

- ♦ **Chương trình Học tập Tích hợp Công việc (WIL)** – các đợt thực tập thực tế và dự án ngành được tích hợp vào chương trình học ngay từ đầu.
- ♦ **Trung tâm Hướng nghiệp VU** – tư vấn nghề nghiệp cá nhân, tổ chức hội thảo chuyên đề và huấn luyện kỹ năng phỏng vấn.
- ♦ **Khám phá hơn 100,000 cơ hội việc làm** – bán thời gian, thực tập và việc làm dành cho sinh viên mới tốt nghiệp thông qua Trung tâm Hướng nghiệp số của chúng tôi.

VU có hơn 4000 mối quan hệ trong ngành, bao gồm:

Hơn **\$5 triệu đô** được cung cấp dưới hình thức hỗ trợ tài chính hàng năm

Tìm hiểu thêm

Tìm hiểu thêm về các học bổng quốc tế của chúng tôi

Tìm hiểu thêm

Tìm hiểu thêm về các dịch vụ hỗ trợ sinh viên của chúng tôi



Cuộc sống ở Melbourne

Melbourne liên tục nằm trong top những thành phố đáng sống nhất thế giới và luôn là điểm đến lý tưởng của du học sinh quốc tế.

Hãy khám phá một cộng đồng đa văn hóa thân thiện, những trải nghiệm sống đẳng cấp thế giới cùng những cơ hội nghề nghiệp hấp dẫn tại một thành phố hội tụ mọi điều kiện để bạn thành công.

studymelbourne.vic.gov.au



Chỗ ở và chi phí sinh hoạt

UniLodge Victoria University

Bạn sẽ cảm thấy thân thuộc như ở nhà ngay từ ngày đầu tiên tại khu ký túc xá sinh viên an toàn và thân thiện của chúng tôi, chỉ cách cơ sở Footscray Park vài bước chân.

UniLodge VU cung cấp nhiều lựa chọn phòng với giá cả phải chăng, bao gồm WiFi và tất cả các hóa đơn điện nước, vì vậy bạn không cần phải lo lắng về các chi phí phát sinh.

unilodge.com.au/vu

Lập kế hoạch ngân sách của bạn

Trước khi bắt đầu nhập học, bạn nên lập một kế hoạch chi tiêu dựa trên lối sống và hình thức chỗ ở mà mình lựa chọn.

Hãy sử dụng Công cụ tính toán chi phí sinh hoạt của Insider Guides để ước tính các khoản chi phí dự kiến của bạn trong thời gian học tập tại Úc.

insiderguides.com.au/cost-of-living

Các lĩnh vực khóa học

Khám phá các chương trình chuyên ngành của chúng tôi được thiết kế để giúp bạn đạt được mục tiêu.

“ Quá trình học đại học đã mang lại cho tôi những trải nghiệm rất tuyệt vời. Đại học VU có các mối quan hệ rất mạnh với các đối tác trong ngành, tạo điều kiện cho sinh viên thực hành, giải quyết các vấn đề thực tế và tăng cường kết nối qua việc thảo luận thường xuyên.”

Johanne
sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ Thông tin

Xin lưu ý: Thông tin và học phí trong các bảng dưới đây áp dụng cho sinh viên quốc tế nhập học tại VU Melbourne năm 2027. Học phí có thể thay đổi trong thời gian học và phụ thuộc vào quyết định phê duyệt. Xin lưu ý, một số khóa học sẽ yêu cầu trang thiết bị và đồng phục riêng với chi phí ngoài học phí. Học viên vui lòng truy cập trang mạng để biết thêm chi tiết.

Điều kiện IELTS được áp dụng dựa trên hình thức thi học thuật (điểm tổng quát / không có điểm thành phần nào dưới). Vui lòng truy cập trang mạng để biết thêm chi tiết.

Nghệ thuật và Nhân văn							
Đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Bachelor of Applied Music	ABAM	119224G	\$16,200 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7	Footscray Nicholson	6.0 (6.0)
Bachelor of Arts	ABAB	068927B	\$16,200 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Community Development	ABCD	088782D	\$16,200 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Screen Media	ABSN	092157F	\$16,200 đô Úc	3 năm	Tháng 2	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Social Work	ABSW	077997B	\$17,750 đô Úc	4 năm	Tháng 2	Footscray Park	7.0 (7.0)
Bachelor of Youth Work	ABYW	074356D	\$16,200 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)

Sau đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Graduate Certificate in International Community Development	ATID	061978C	\$17,750 đô Úc	1 năm	Tháng 2, Tháng 9, Tháng 11	City	6.5 (6.0)
Graduate Diploma in International Community Development	AGID	085260K	\$17,750 đô Úc	1 năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.5 (6.0)
Master of International Community Development	AMCD	083312G	\$17,750 đô Úc	2 năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.5 (6.0)

Kinh doanh							
Văn bằng giáo dục đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Diploma of Business (Enterprise)	VDBE	075552C	\$16,600 đô Úc	1 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7, Tháng 9	City	5.5 (5.0)

Đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Bachelor of Accounting	BBAQ	111080E	\$19,500 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.0 (6.0)
Bachelor of Business	BBNS	092944A	\$19,500 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7, Tháng 9	City	6.0 (6.0)
Bachelor of Psychological Studies/ Bachelor of Business	ABPB	075219E	\$19,500 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 7	City, Footscray Park*	6.0 (6.0)
Bachelor of Sport Management	SBSM	084881M	\$19,500 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.0 (6.0)
Bachelor of Sport Management/ Bachelor of Business	SBSB	084880A	\$19,500 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.0 (6.0)

Sau đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Master of Business Administration (Global)	BMAG	103253M	\$21,600 đô Úc	2 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7, Tháng 9	City	6.5 (6.0)
Master of Business Analytics	BMBU	103256H	\$20,250 đô Úc	2 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7, Tháng 9	City	6.5 (6.0)
Master of Marketing	BMKT	103519A	\$20,250 đô Úc	2 năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.5 (6.0)
Master of Professional Accounting	BMAQ	103254K	\$20,250 đô Úc	2 năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.5 (6.0)
Master of Supply Chain Management	BMSU	103521G	\$20,250 đô Úc	2 năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.5 (6.0)

*Đối với khóa học này, sinh viên sẽ học các môn học thuộc chuyên ngành Nghiên cứu Tâm lý tại Cơ sở Footscray Park và các môn học thuộc chuyên ngành Kinh doanh tại Cơ sở City.



Được xếp hạng
#6
toàn cầu về khoa học thể thao
(ShanghaiRanking, 2025)



1,919
các tổ chức đối tác mới đã tham gia chương trình Học tập Tích hợp Công việc của chúng tôi vào năm 2025.



37,416
các đợt thực tập do sinh viên VU hoàn thành trong năm 2025.

Nâng tầm kỹ năng, bứt phá thành công

Dù bạn đam mê giúp đỡ cộng đồng, giải quyết các thách thức thực tế, sáng tạo công nghệ mới hay theo đuổi nghiên cứu chuyên sâu, VU luôn có khóa học phù hợp với sở thích và hoài bão của bạn.

Với hơn 4000 đối tác trong ngành, chúng tôi luôn cập nhật tất cả các khóa học với công nghệ và xu hướng mới nhất. Bất kể bạn chọn ngành học nào, bạn đều được cơ hội tiếp cận cơ sở vật chất tiên tiến, sự hỗ trợ của đội ngũ nhân sự và phương pháp học tập thực tiễn và những cơ hội thực tập và các dự án doanh nghiệp.

Tìm hiểu chi tiết các khóa học của chúng tôi tại vu.edu.au

Giáo dục							
Giáo dục và đào tạo nghề							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Certificate III in Early Childhood Education and Care	CHC30125	119575F	\$9000 đô Úc	1 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Nicholson	6.0 (5.5)
Diploma of Early Childhood Education and Care	CHC50125	118572F	\$9242 đô Úc	nửa năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Nicholson	6.0 (5.5)
Văn bằng giáo dục đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Diploma of Education Studies	EDES	074359A	\$16,200 đô Úc	1 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Nicholson	6.0 (6.0)
Đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Bachelor of Early Childhood Education	EBEC	096869G	\$17,750 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7, Tháng 9	City, Footscray Nicholson*	6.5 (6.0)
Bachelor of Early Childhood Education and Leadership	EBCL	105139H	\$17,750 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7, Tháng 9	City, Footscray Nicholson*	6.5 (6.0)
Bachelor of Education (P-12)	EBED	071581G	\$17,750 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	7.0
Bachelor of Education Studies	EBST	093862F	\$17,750 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Sau đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Graduate Certificate in Education	ETED	083308D	\$17,750 đô Úc	nửa năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	7.0
Graduate Diploma in Early Childhood Education	EGEC	0101340	\$16,900 đô Úc	1 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7, Tháng 9	City, Trực tuyến	7.0
Master of Education	EMED	083310K	\$17,750 đô Úc	2 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7, Tháng 9	Footscray Park	7.0
Master of Teaching (Primary Education)	EMPE	083309C	\$17,750 đô Úc	2 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Nicholson	7.0
Master of Teaching (Secondary Education)	EMES	084111J	\$17,750 đô Úc	2 năm	Tháng 2, Tháng 7	City	7.0
Kỹ thuật và Môi trường Xây dựng							
Giáo dục và đào tạo nghề							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Diploma of Building and Construction (Building)	CPC50220	111132J	A\$8400	2 năm	Tháng 1, Tháng 7	Sunshine	6.0 (5.5)
Đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Bachelor of Architectural Design	NBAD	117293K	\$19,500 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Construction Management (Honours)	NHCM	096487M	\$19,500 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Engineering (Honours) (Civil Engineering)	NHEC	084873M	\$21,750 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Engineering (Honours) (Electrical and Electronic Engineering)	NHEE	084874K	\$21,750 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Engineering (Honours) (Mechanical Engineering)	NHEM	084875J	\$21,750 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Sau đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Graduate Diploma in Project Management	NGPM	084871B	\$20,250 đô Úc	1 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.5 (6.0)
Master of Construction Management	NMCM	116632D	\$20,250 đô Úc	2 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7, Tháng 9	Footscray Park	6.5 (6.0)
Master of Project Management	NMPM	083306F	\$20,250 đô Úc	2 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7, Tháng 9	Footscray Park	6.5 (6.0)
Sức khỏe & Khoa học							
Giáo dục và đào tạo nghề							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Diploma of Beauty Therapy	SHB50121	113243H	\$13,805 đô Úc	1 năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.0 (5.5)
Đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Bachelor of Biomedical and Exercise Science	HBES	096481F	\$20,300 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7	Footscray Park, St Albans¹	6.0 (6.0)
Bachelor of Biomedical Science	HBBS	092499F	\$20,300 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7	St Albans	6.0 (6.0)
Bachelor of Biomedicine	HBBM	084869G	\$21,750 đô Úc	3 năm	Tháng 2	Footscray Park, St Albans¹	7.0 (6.5)
Bachelor of Dermal Sciences ¹	HBDS	092158E	\$20,300 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 4	City	6.0 (6.0)
Bachelor of Health Science	HBHL	092156G	\$20,300 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7	St Albans	6.0 (6.0)
Bachelor of Human Nutrition	HBNT	096482E	\$19,500 đô Úc	3 năm	Tháng 2	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Midwifery/Bachelor of Nursing ¹	HBMA	105376F	\$21,750 đô Úc	4 năm	Tháng 2	St Albans	7.0
Bachelor of Nursing ¹	HBNB	080229E	\$21,750 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 4	St Albans	7.0
Bachelor of Paramedicine ¹	HBPD	092160M	\$20,300 đô Úc	3 năm	Tháng 2	St Albans	6.0 (6.0)
Bachelor of Science (Osteopathy)/Master of Health Science (Osteopathy)	HCOP	103517C	\$20,300 đô Úc	4 năm rưỡi	Tháng 2	City	7.0
Sau đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Master of Global Public Health	HMGF	107823E	\$18,500 đô Úc	2 năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.5 (6.0)

* Đối với khóa học này, sinh viên sẽ học năm đầu tiên tại Cơ sở City và các năm tiếp theo tại Cơ sở Footscray Nicholson Campus.
#Đối với khóa học này, sinh viên sẽ học các học phần tại cả hai Cơ sở Footscray Park và St Albans.
¹ Số lượng chỗ học cho khóa này có giới hạn. Chúng tôi khuyến khích học viên nộp đơn càng sớm càng tốt.

Ngành Khách sạn, Nấu ăn & Sự kiện							
Giáo dục và đào tạo nghề							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Certificate III in Commercial Cookery	SIT30821	109765E	\$7607 đô Úc	1 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Nicholson	6.0 (5.5)
Certificate IV in Kitchen Management	SIT40521	109628C	\$8692 đô Úc	1 năm rưỡi	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Nicholson	6.0 (5.5)
Diploma of Hospitality Management	SIT50422	113244G	\$7572 đô Úc	1 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Nicholson	6.0 (5.5)
Advanced Diploma of Hospitality Management	SIT60322	113245F	\$8167 đô Úc	1 năm rưỡi	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Nicholson	6.0 (5.5)

Đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Bachelor of Business [^]	BBNS	092944A	\$19,500 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7, Tháng 9	City	6.0 (6.0)

Công nghệ thông tin & An ninh mạng							
Văn bằng giáo dục đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Diploma of Cyber Security	VDCS	117854D	\$16,600 đô Úc	1 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Nicholson	6.0 (5.5)
Diploma of Information Technology	VDIT	077776D	\$16,600 đô Úc	1 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7, Tháng 9	Footscray Nicholson	5.5 (5.0)

Đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Bachelor of Cyber Security	NBCS	103891C	\$19,500 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7, Tháng 9	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Data Science	NBDS	108667D	\$19,500 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7, Tháng 9	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Information Technology	NBIT	071997F	\$19,500 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7, Tháng 9	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Information Technology (Professional)	NBIP	096870D	\$19,500 đô Úc	3 năm rưỡi	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)

Sau đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Graduate Certificate in Artificial Intelligence	NTAI	105141C	\$20,250 đô Úc	nửa năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.5 (6.0)
Graduate Certificate in Cyber Security	NTCS	105066J	\$20,250 đô Úc	nửa năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.5 (6.0)
Graduate Diploma in Cyber Security	NGCS	103292D	\$20,250 đô Úc	nửa năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.5 (6.0)
Master of Applied Information Technology	NMIT	083307E	\$20,250 đô Úc	2 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7, Tháng 9	City	6.5 (6.0)

Luật và Tội phạm học							
Đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Bachelor of Criminal Justice	ABCJ	088599C	\$16,200 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Criminal Justice and Psychological Studies	ABCY	095830J	\$16,200 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Criminology	LBCR	102415F	\$16,200 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7	City	6.0 (6.0)
Bachelor of Criminology/Bachelor of Psychological Studies	LBCP	102921K	\$19,500 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.0 (6.0)
Bachelor of Laws	BLAW	040190B	\$19,500 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7	City	6.5 (6.0)
Bachelor of Laws (Graduate Entry)	BLGE	041647K	\$19,500 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7	City	6.5 (6.0)
Bachelor of Laws/Bachelor of Criminology	LBLC	102146E	\$17,750 đô Úc	4 năm rưỡi	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7	City	6.5 (6.0)

Sau đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Graduate Diploma in Migration Law	LGML	096290B	\$16,700 đô Úc	1 năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.5 (6.0)

Tâm lý học và tư vấn							
Đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Bachelor of Criminal Justice and Psychological Studies	ABCY	095830J	\$16,200 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Criminology/Bachelor of Psychological Studies	LBCP	102921K	\$19,500 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.0 (6.0)
Bachelor of Psychological Studies	ABPA	071141K	\$19,500 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Psychological Studies (Honours)	AHPA	071137F	\$19,500 đô Úc	1 năm	Tháng 2	Footscray Park	6.5 (6.0)
Bachelor of Psychological Studies/Bachelor of Business	ABPB	075219E	\$19,500 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 7	City, Footscray Park*	6.0 (6.0)
Bachelor of Psychology (Honours)	ABPC	077996C	\$19,500 đô Úc	4 năm	Tháng 2	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Sport Science (Human) Movement/ Bachelor of Psychological Studies	SBHP	084877G	\$19,500 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Sau đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Master of Counselling	AMPE	042907J	\$18,500 đô Úc	2 năm	Tháng 2	City	7.0

*Đối với khóa học này, sinh viên sẽ học các môn học thuộc chuyên ngành Nghiên cứu Tâm lý tại Cơ sở Footscray Park và các môn học thuộc chuyên ngành Kinh doanh tại Cơ sở City.

Khoa học Thể dục và Thể thao							
Đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Bachelor of Exercise and Sport Science	SBEC	117806A	\$20,300 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Outdoor Leadership	SBOL	099055M	\$19,500 đô Úc	3 năm	Tháng 2	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Physical Education and Sport Science	SBPH	088601C	\$19,500 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Sport Management	SBSM	084881M	\$19,500 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.0 (6.0)
Bachelor of Sport Management/Bachelor of Business	SBSB	084880A	\$19,500 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 7	City	6.0 (6.0)
Bachelor of Sport Science	SBSA	096485B	\$19,500 đô Úc	3 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Sport Science (Human Movement)/ Bachelor of Psychological Studies	SBHP	084877G	\$19,500 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 4, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Bachelor of Sport Science (Human Movement)/ Bachelor of Sport Management	SBHS	084878F	\$19,500 đô Úc	4 năm	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.0 (6.0)
Sau đại học							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học phí mỗi học kỳ	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	IELTS
Master of Clinical Exercise Science and Rehabilitation	AMEP	077582C	\$20,250 đô Úc	1 năm rưỡi	Tháng 2, Tháng 7	Footscray Park	6.5 (6.0)

Khóa học tiếng Anh và chương trình dự bị đại học							
Tiếng Anh Tổng quát							
Cấp độ	Mã khóa học	CRICOS	Phí mỗi tuần*	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	Yêu cầu nhập học
Từ Cơ bản đến Nâng cao	VNENG	059112E	\$560 đô Úc	5-10 tuần	Nhập học thường xuyên	City	Bài kiểm tra xếp lớp tiếng Anh của VU

Tiếng Anh chuyên ngành học thuật (EAP)							
Cấp độ	Mã khóa học	CRICOS	Phí mỗi tuần*	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	Yêu cầu nhập học
Trình độ Trung cấp Nâng cao đến Nâng cao	VNELI	082777E	\$560 đô Úc	5-10 tuần	Nhập học thường xuyên	City	IELTS 5.0 trở lên (tùy thuộc vào trình độ), bài Kiểm tra Xếp lớp tiếng Anh của trường VU hoặc hoàn thành khóa học Tiếng Anh Tổng quát 3.

Tiếng Anh Học thuật – Luyện thi IELTS							
Cấp độ	Mã khóa học	CRICOS	Phí mỗi tuần*	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	Yêu cầu nhập học
IELTS 5 (Nâng cao 1)	VNEAP	082777E	\$560 đô Úc	5 tuần	Tháng 1, Tháng 7, Tháng 12	City	IELTS 5.5, bài Kiểm tra Xếp lớp tiếng Anh của trường VU hoặc hoàn thành khóa học tiếng Anh EAP4 của VU.

Chương trình dự bị đại học							
Cấp độ	Mã khóa học	CRICOS	Phí theo từng tam cá nguyệt	Thời gian học	Kỳ nhập học	Cơ sở	Yêu cầu nhập học
Chương trình Dự bị Đại học Quốc tế	JQAG	096078F	\$13,650 đô Úc	Tháng 2, tam cá nguyệt	Tháng 2, Tháng 6, Tháng 10	City	5.5 (5.0) Điểm trung bình 60% ở bậc THPT (lớp 11) tại Úc, hoặc tương đương

Nghiên cứu							
Tên khóa học	Mã khóa học	CRICOS	Học viện	Kỳ nhập học	Thời gian học	Học phí mỗi học kỳ	IELTS
Doctor of Philosophy	UPAD	064447F	IEHS	Tháng 2, Tháng 8	4 năm	\$18,150 – \$21,500 đô Úc	6.5 (6.0)
	UPAF		ISILC				
Doctor of Philosophy (Integrated)	UPAE	099052C	IHES	Tháng 2, Tháng 8	4 năm	\$18,150 – \$21,500 đô Úc	6.5 (6.0)
	UPAG		ISILC				
Master of Applied Research	URAR	099077E	IHES	Tháng 2, Tháng 8	2 năm	\$18,150 – \$21,500 đô Úc	6.5 (6.0)
	URAP		ISILC				
Master of Research	URRE	099079C	IHES	Tháng 2, Tháng 8	1 năm rưỡi	\$18,150 – \$21,500 đô Úc	6.5 (6.0)
	URRS		ISILC				

Yêu cầu nhập học

Để theo học tại Đại học Victoria, sinh viên quốc tế cần đáp ứng các yêu cầu về học thuật và trình độ tiếng Anh đầu vào của trường. Nếu chưa đạt đủ điều kiện đầu vào, các khóa học tiếng Anh và dự bị đại học tại VU sẽ mang lại cho bạn sự linh hoạt và cơ hội để đạt được mục tiêu của mình. Nếu chưa đủ 18 tuổi khi nhập học, bạn cần đăng ký nơi ở và phương án bảo trợ được VU phê duyệt trước khi chấp nhận thư mời nhập học.

Để biết thêm chi tiết và danh sách đầy đủ các yêu cầu nhập học về học thuật và tiếng Anh, vui lòng truy cập **vu.edu.au/entry-international**

Bạn đã sẵn sàng ứng tuyển?

Đăng ký học tại VU rất dễ dàng, và chúng tôi luôn sẵn sàng hỗ trợ bạn. Nếu nộp hồ sơ từ ngoài nước Úc, các đại lý tư vấn du học được ủy quyền của chúng tôi sẽ hỗ trợ bạn trong suốt quá trình đăng ký. Để tìm đại lý gần bạn, hãy truy cập:

eap.ascentone.com/vu

✓ Đăng ký sớm

Vui lòng lưu ý chuẩn bị đủ thời gian để hoàn tất hồ sơ và nộp đơn xin thị thực du học.

Tìm hiểu thêm

Tìm hiểu thêm về cách thức đăng ký

1

Chọn khóa học của bạn

2

Chuẩn bị giấy tờ của bạn

3

Đăng ký trực tuyến

4

Chấp nhận thư mời nhập học

5

Làm thủ tục xin thị thực

6

Ghi danh vào khóa học



"Tôi vô cùng ấn tượng với những thành quả mình đã đạt được tại đây, cùng với những cơ hội và sự hỗ trợ tuyệt vời nhận được trong suốt thời gian qua. Dù có thể học ở bất cứ trường nào, mình vẫn rất vui vì đã chọn VU!"

Daisy Rose
Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh doanh

Hãy liên hệ với đội ngũ của chúng tôi



Truy cập:

vu.edu.au/contact-international

Tìm đại lý:

eap.ascentone.com/vu

Trao đổi với một
cố vấn sinh viên của VU
vu.edu.au/international-adviser

Trò chuyện cùng các bạn
đại sứ sinh viên quốc tế
vu.edu.au/student-chat

Victoria University International, PO Box 14428, Melbourne, Victoria 8001, Australia

Chúng tôi tự hào vì cảm nang này chỉ sử dụng hình ảnh thực tế của các du học sinh và cựu sinh viên VU – hoàn toàn không dùng AI hay ảnh mẫu sẵn có!

Bản quyền © 2026. Đại học Victoria, Mã số CRICOS: 00124K (Melbourne), 02475D (Sydney và Brisbane), RTO 3113, Mã số TEQSA: PRV12152, Hàng mục nhà cung cấp: Đại học Úc. Thông tin trong ấn phẩm này là chính xác tính đến ngày xuất bản, tháng 7 năm 2026. Thông tin này chỉ dùng để tham khảo và không có giá trị pháp lý như một phần của hợp đồng giữa bất kỳ ai với Đại học Victoria. Vui lòng truy cập trang mạng của Đại học Victoria để biết thêm thông tin chi tiết: vu.edu.au